

Số: 3289/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học cho sinh viên đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân kèm theo Quyết định số 386/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ/ĐHKTQD ngày 17/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế quốc dân về việc ban hành chuẩn đầu ra về Tin học cho sinh viên đại học hệ từ xa;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ/ĐHKTQD ngày 16/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế quốc dân về việc ban hành quy định chuyển điểm học phần ngoại ngữ và tin học đại cương dành cho sinh viên đại học hệ từ xa;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học kinh tế quốc dân về việc ban hành quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học hệ từ xa;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 26/10/2022 về việc rà soát hoàn thiện quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học cho sinh viên chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học của Đại học Kinh tế quốc dân;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo từ xa.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Điều chỉnh Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học cho sinh viên đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân (nội dung điều chỉnh đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Đào tạo từ xa, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTTX.


HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Phạm Hồng Chương

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo quyết định số 32.89.../QĐ-ĐHKQTĐ của Hiệu trưởng, ký ngày 30/12/2022)

A. Điều chỉnh Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

1. **Hủy Khoản 5 Điều 2 và Điều 4, Điều 5** của Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học hệ từ xa ban hành kèm theo Quyết định số 2359/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. **Điều chỉnh Điều 2** của Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học hệ từ xa ban hành kèm theo Quyết định số 2359/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân như sau:

Điều 2. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân phải đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ (tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật) với mức tối thiểu thuộc một trong các trường hợp sau:

1.1. Chứng chỉ đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh:

Khung NLNN6B ¹	CEFR ²	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge English	APTIS	BEC	BULATS
Bậc 3	B1	4.5	450 PBT	450 (nghe và đọc) và 210 (viết và nói)	FCE (45)	B1	Preliminary (65)	40
			hoặc 133 CBT		hoặc PET			
			hoặc 45 iBT		(70)			

1.2. Chứng chỉ đạt trình độ ngoại ngữ tiếng các nước khác:

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
TRKI-1	DELTA B1	B1	HSK 3	JLPT N4
(cấp độ 1)	hoặc TCF niveau 3	hoặc ZD	hoặc TOCFL 1	

1.3. Sinh viên tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên một trong những ngành ngôn ngữ sau: tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật.

1.4. Sinh viên tốt nghiệp từ Cao đẳng trở lên tại các cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài (tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật) ở Việt Nam hoặc nước ngoài.

¹ Chứng chỉ đúng quy định, đạt theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động theo quy định hiện hành

² Trình độ ngoại ngữ theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)

3. Điều chỉnh Phụ lục

Điều chỉnh nội dung Phụ lục về việc chuyển đổi điểm từ các văn bằng, chứng chỉ đã được xét công nhận chuẩn đầu ra cho học phần Ngoại ngữ trong Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học (Phụ lục 1 đính kèm quyết định điều chỉnh).

B. Điều chỉnh Chuẩn đầu ra Tin học

1. Điều chỉnh Khoản 1, bỏ Khoản 3 của Quyết định số 723/QĐ/ĐHKTQD ngày 17/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân như sau:

* Chuẩn đầu ra Tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân phải đạt chuẩn đầu ra về Tin học với mức tối thiểu thuộc một trong các trường hợp sau:

1.1. Chứng chỉ trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin:

TT	Loại chứng chỉ	Cơ sở cấp
1	IC3 (Digital Literacy Certification)	Tổ chức Tin học thế giới Certiport (Hoa Kỳ)
2	MOS (Microsoft Office Specialist)	Microsoft
3	ICDL (International Computer Driving License)	European Computer Driving Licence Foundation Limited
4	“Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ TTTT.	Đơn vị được phép cấp theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.2. Sinh viên tốt nghiệp trình độ từ Trung cấp trở lên hoặc tương đương thuộc một trong các ngành Kỹ thuật máy tính, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ phần mềm, Kỹ nghệ phần mềm, Mạng máy tính, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo.

2. Điều chỉnh Phụ lục

Điều chỉnh nội dung Phụ lục về việc chuyển đổi điểm từ các văn bằng, chứng chỉ đã được xét công nhận chuẩn đầu ra cho học phần Tin học trong Chương trình đào tạo hệ từ xa trình độ đại học (Phụ lục 2 đính kèm quyết định điều chỉnh).

PHỤ LỤC 1
BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ

1. Đối với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (thang điểm 10):

Khung NLNN6B (bậc)	Khung Tham chiếu Châu Âu	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/100)	Các bài thi TA Chuyên ngành của Cambridge			Các bài thi TA hướng nghiệp			Các bài thi TA Học thuật					Điểm quy đổi cho các học phần		
			BEC (điểm*/100)	ICFE (điểm*/100)	ILCE (điểm*/100)	BULATS (điểm*/100)	TOEIC		APTIS	IELTS (điểm*/9)	TOEFL PBT (điểm*/677)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL CBT (điểm*/300)	HP1	HP2	HP3
							Nghe & đọc /990)	Nói & Viết /400)								
6	C2	CPE (60) CAE (80)	Higher (80)	90	90	90	911	355	C2	7.5	650	110	271	10	10	10
5	C1	CPE (45) CAE (60) FCE (80)	Higher (60)	70	70	75	850	320	C1	6.5	550	80	231	10	10	10
4	B2	CAE (45) FCE (60) PET (90)	Vantage (80)	50	50	60	550	230	B2	5.5	500	61	173	10	9	8
3B	B1	FCE (51) PET (80)	Preliminary (80)			50	500	220	B1	5.0	480	55	155	9	8	7
3A		FCE (45) PET (70)	Preliminary (65)			40	450	210		4.5	450	45	133	8	7	6

Ký hiệu: IELTS: International English Language Testing Service; TOEFL: Test of English as a Foreign Language; APTIS: A test system conducted by British Council; BEC Higher: C1 Business Higher (Business English Certificate); CAE: C1 Advanced; CPE: C2 Proficiency

2. Đối với văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ khác theo quy định tại Khoản 1.3, 1.4 Điều 2 CĐR Ngoại ngữ, cụ thể như sau:

Khung NLNN6B	Bằng tốt nghiệp theo Điều 2	Tiếng Trung	Tiếng Pháp	Tiếng Nga	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Điểm quy đổi cho các học phần ngoại ngữ		
							HP1	HP2	HP3
6	Trình độ cao hơn khoản 1.3, 1.4 Điều 2	HSK cấp độ 6 TOCFL cấp độ 4	TCF Niveau 6 /DELF C2	TRKI-4	C2	N1	10	10	10
5		HSK cấp độ 5 TOCFL cấp độ 3	TCF Niveau 5 /DELF C1	TRKI-3	C1	N2	10	10	10
4	Khoản 1.3 Điều 2	HSK cấp độ 4 TOCFL cấp độ 2	TCF Niveau 4 /DELF B2	TRKI-2	B2 hoặc TestDaF level 4	N3	10	9	8
3	Khoản 1.4 Điều 2	HSK cấp độ 3 TOCFL cấp độ 1	TCF Niveau 3 /DELF B1	TRKI-1	B1 hoặc ZD	N4	8	7	6

PHỤ LỤC 2
BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM HỌC PHẦN TIN HỌC

Stt	IC3	MOS	ICDL	Mục 1.2 Khoản 1 CĐR Tin học	Điểm quy đổi
1	1990 - 2192	1400-1520	1350-1440		6
2	2193-2394	1521-1640	1441-1530		7
3	2395-2596	1641-1760	1531-1620		8
4	2597-2798	1761-1880	1621-1710	Trung cấp	9
5	2799-3000	1881-2000	1711-1800	Cao hơn Trung cấp	10

Trong đó:

- Điểm IC3 là tổng điểm của 3 Module IC3
- Điểm MOS là tổng điểm của 2 Module trong 3 Module
- Điểm ICDL là tổng điểm của 5 Module

TT	Tên Chứng chỉ	Điểm quy đổi học phần
1	“Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ TTTT.	Trung bình cộng điểm thi lý thuyết và thực hành